

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 71/2022/HS-ST

Ngày 25 tháng 8 năm 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Hồng và ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đôn Minh Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hg Văn D (tên gọi khác: Không); sinh N 1990; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Xóm Gò, xã Đ Trù, huyện Đ1, tỉnh Vĩnh Phúc; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 25/10/2021, Ủy Ban kiểm tra Huyện ủy Đ1 đã có quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; con ông Hg Văn Đ và con bà Lục Thị S đều sinh N 1962, có vợ là Hà Kiều A, sinh N 1995 và có 02 con (lớn sinh N 2019, nhỏ sinh N 2020). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2021 (có mặt).

2. Họ và tên: Lê Văn S (tên gọi khác: Không); sinh N 1989; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Xóm Gò, xã Đ Trù, huyện Đ1, tỉnh Vĩnh Phúc; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn N, sinh N 1960 và con bà Trần Thị L, sinh N 1958; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2021 (có mặt).

3. Họ và tên: Hg Văn T (tên gọi khác: Không); sinh N 1992; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Xóm Gò, xã Đ Trù, huyện Đ1, tỉnh Vĩnh Phúc; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; con ông Hg Văn Đ và con bà Lục Thị S đều sinh N 1962; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2021 (có mặt).

4. Họ và tên: Lục Văn C (tên gọi khác: Không); sinh N 1999; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Phân Lân Thượng, xã Đ Trù, huyện Đ1, tỉnh Vĩnh Phúc; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; con ông Lục Văn B, sinh N 1966 và con bà Trương Thị N, sinh N 1965. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HSST ngày 31/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện S D, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Lục Văn C 03 N 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2019. Án phí hình sự phải nộp là 200.000đ, ngày 01/9/2021 chấp hành xong hình phạt tù và ngày 31/3/2020 đã nộp án phí hình sự.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2021 (có mặt).

- Bị hại Bao gồm:

1. A Kiều Quang T, sinh N 1989; trú tại: Khu đô thị Bản Cát, phường Tích S, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2. A Kiều Văn B, sinh N 1989; trú tại: Phố Phú Chiền, thị trấn L1, huyện L1, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn N, sinh N, sinh N 1960; trú tại: Xóm Gò, xã Đ Trù, huyện Đ1, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Ông Lục Văn B, sinh N 1966; trú tại: Phân Lân Thượng, xã Đ Trù, huyện Đ1, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. A Hg Văn H, sinh N 1982; trú tại: Xóm Gò, xã Đ Trù, huyện Đ1, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2021, do nợ nần và không có tiền tiêu sài cá nhân nên Hg Văn D (nguyên là cán bộ Đội Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Vĩnh

Yên, ngày 10/9/2021 D đã xuất ngũ) nảy sinh ý định quay lén sai phạm của Cảnh sát giao thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ với mục đích dùng hình ảnh, video quay lén được uy hiếp, đe dọa, yêu cầu người có sai phạm đưa tiền cho D, nếu không sẽ đưa các hình ảnh, video lên mạng xã hội hoặc gửi cho Giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Để thực hiện mục đích nêu trên, D rủ được Lê Văn S và Hg Văn T (em ruột của D) đồng ý cùng tham gia. Sau đó D, S và T thống N mua Camera rồi gắn trên mũ bảo hiểm, phân công người tham gia giao thông bằng xe mô tô, sử dụng giấy phép lái xe của người khác để tránh bị phát hiện. Khi tham gia giao thông nếu gặp tổ Cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ thì cố tình vi phạm rồi đưa tiền để Cảnh sát giao thông bỏ qua lỗi vi phạm, lén quay video rồi dùng hình ảnh, video đó uy hiếp, đe dọa để chiếm đoạt tiền. Sau khi bàn bạc, D phân công S mua Camera, sim điện thoại rác để liên lạc, phân công T điều khiển xe mô tô tạo tình huống vi phạm, đưa tiền rồi lén quay video. Đến khoảng giữa tháng 8/2021, D, S, T mua 01 mũ bảo hiểm, loại mũ nửa đầu. S lên mạng xã hội đặt mua 04 camera bí mật với giá khoảng 5.600.000đ, mua 03 sim rác gồm các số: 0878.915.198; 0878.915.196; 0789.165.174 với giá 300.000đ để liên lạc và đăng ký tài khoản Zalo. Sau đó, T, S gắn camera bí mật vào mũ bảo hiểm và chiếc áo thun không cổ, màu đen. D sử dụng sim số 0878.915.198 lập tài khoản Zalo với tên “Tây Môn Khánh”, sử dụng sim số “0878.915.196” lập tài khoản Zalo với tên “Tống Tiên Sinh”, sử dụng sim số “0789.165.174” lập tài khoản Zalo với tên “Giàng A Lữ” và đưa cho S 03 giấy phép lái xe mô tô có tên Tạ Văn B, sinh N 1991; Nguyễn Văn C, sinh N 1993, đều trú tại xã B1, huyện L1, tỉnh Vĩnh Phúc và Đỗ Việt C, sinh N 1993 trú tại xã Kháng Nhật, S D, Tuyên Quang (Giấy phép lái xe này D có được trong quá trình còn làm Cảnh sát giao thông Công an thành phố Vĩnh Yên), mục đích khi các đối tượng tham gia giao thông vi phạm sẽ xuất trình những giấy tờ này để xóa dấu vết, không bị lộ. Ngày 26/8/2021, D, T, S quay lén được hình ảnh sai phạm của tổ công tác Cảnh sát giao thông Công an huyện B Xuyên do A Kiều Quang T làm tổ trưởng; ngày 30/8/2021, D, S, T quay lén được hình ảnh sai phạm của tổ công tác Cảnh sát giao thông Công an huyện D do A Kiều Văn B làm tổ trưởng. Sau đó, S về chỉnh sửa, cắt ghép video; D sử dụng sim rác số 0878.915.198 để gọi điện cho A T, S sử dụng sim rác số 0789.165.174 để gọi cho A B uy hiếp, yêu cầu A T, A B đưa tiền. Cụ thể đó là:

1. Hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại Kiều Quang T: Ngày 26/8/2021, Tổ tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm giao thông Công an huyện B Xuyên do Kiều Quang T (tổ trưởng), Nguyễn Văn H, Hg Hữu L, Đào Tiến H thực hiện nhiệm vụ tuần tra kiểm soát giao thông, phát hiện và xử lý các vi phạm tại đường tỉnh lộ 310B. Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 26/8/2021, D điều khiển xe mô tô

BKS: 88G1-395.44 đi trước dẫn đường, T đội mũ bảo hiểm có gắn camera điều khiển xe mô tô BKS: 19D1-078.30 không có gương chiếu hậu (do D, S, T đã cố tình tháo bỏ) chở S đi đến đoạn đường Tỉnh lộ 310B thuộc tổ dân phố Trại Cúp, thị trấn Bá Hiến, huyện B Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi thấy tổ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm giao thông Công an huyện B Xuyên thì T cố tình lái xe chở S đi đến, do T điều khiển xe mô tô không xi nhan, không có gương chiếu hậu nên A H đã dừng xe mô tô của T lại để kiểm tra vi phạm. A Lương thông báo T vi phạm lỗi xe không có gương chiếu hậu và không xi nhan, đồng thời yêu cầu T xuất trình giấy tờ xe thì T đưa cho A Lương giấy phép lái xe mô tô mang tên Tạ Văn B, sinh N 1991 ở xã G, huyện L1 và đăng ký xe mô tô BKS: 19D1 - 078.30, A Lương chuyển giấy phép lái xe và đăng ký xe cho A T. A T thông báo lỗi vi phạm của T là không có gương chiếu hậu, không xi nhan và không có bảo hiểm xe mô tô, mức phạt là 400.000đ, T bảo A T bỏ qua cho T và để 150.000đ trên bàn làm việc trước mặt A T, A T cầm tiền và đưa trả T giấy phép lái xe, đăng ký xe rồi để cho T đi. Toàn bộ việc A T nhận tiền đã được camera gắn trên mũ bảo hiểm của T quay lại. Sau khi có được video quay lén việc nhận tiền của A T, S đã sử dụng máy tính laptop nhãn hiệu DELL của S cắt ngắn đoạn video rồi gửi cho D. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03/9/2021, D sử dụng số điện thoại 0878.915.198 gọi cho A T vào số điện thoại 0915.436.579 nói với A T nội dung là D có đoạn video quay lại việc A T nhận tiền của người dân khi đang thực hiện nhiệm vụ ngày 26/8/2021 tại đường tỉnh lộ 310B và đe dọa sẽ gửi đơn tố cáo đến Bn giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Phúc, ThA tra Bộ Công an và đăng tải đoạn video lên mạng xã hội. Sau đó D yêu cầu A T kết bạn với tài khoản Zalo có tên “Tây Môn Khánh” được đăng ký bởi số điện thoại 0878.915.198, A T sử dụng tài khoản Zalo có tên “Thinhkieu” kết bạn với tài khoản Zalo “Tây Môn Khánh”. Sau khi kết bạn Zalo, D gửi đoạn video quay lại cảnh A T nhận tiền và yêu cầu A T phải chuyển cho D số tiền 180.000.000đ thì D sẽ xóa đoạn video, nếu không sẽ đăng lên mạng xã hội. Mục đích nhằm tránh việc sau này bị phát hiện, D yêu cầu A T khi nhắn tin trao đổi, thỏa thuận về việc đưa tiền sẽ trao đổi nội dung mua cây lan đột biến được A T đồng ý. Do sợ D đăng tải đoạn video lên mạng xã hội sẽ ảnh hưởng đến công việc của mình nên A T đồng ý đưa tiền nhưng xin D giảm xuống còn 150.000.000đ. D đồng ý và hẹn A T giao tiền vào trưa ngày 05/9/2021, địa điểm giao tiền D sẽ thông báo sau. Đến khoảng 11 giờ ngày 05/9/2021, D nhắn tin bảo A T khi nào chuẩn bị đủ tiền thì thông báo trước cho D để D cho địa điểm giao nhận tiền, nhưng do ngày 05/9/2021 trời mưa to nên A T hẹn D giao tiền vào ngày khác. Do không thấy A T liên lạc lại nên tối ngày 05/9/2021, D tiếp tục yêu cầu A T giao tiền nhưng do chưa chuẩn bị đủ tiền nên A T hẹn D đến ngày 06/9/2021 được D đồng ý. Tối ngày 06/9/2021, D hẹn A T giao tiền tại khu vực

cầu Chang xã Bắc B, huyện L1 thì A T nói không biết đường đến cầu Chang nên D hẹn A T giao tiền tại địa điểm khác. Chiều ngày 07/9/2021, do sợ bị lộ nên D xóa tài khoản Zalo “Tây Môn Khánh”, tháo sim điện thoại số 0878.915.918 ra khỏi điện thoại rồi bỏ sim vứt bỏ. Sau đó, D sử dụng số điện thoại 0878.915.196 đăng ký tài khoản Zalo “Tống Tiên Sinh” nhắn tin cho A Hg Văn Q là đội phó Đội Cảnh sát giao thông - Công an huyện B Xuyên, qua tài khoản Zalo “Quan Hoang”, nội dung, D đang có video sai phạm của tổ Cảnh sát giao thông Công an huyện B Xuyên, nếu muốn xóa đoạn video thì phải đưa cho D 350.000.000đ, nếu không đưa tiền D sẽ đăng lên mạng xã hội hoặc gửi đơn đến Bn Giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Phúc, A Q xin giảm bớt số tiền thì D đồng ý giảm xuống còn 150.000.000đ và yêu cầu phải giao tiền trong ngày 10/9/2021.

Ngày 08/9/2021, D nói cho Lục Văn C biết là hiện D, T, S có video sai phạm của tổ Cảnh sát giao thông Công an huyện B Xuyên, Công an huyện D và bọn D sẽ sử dụng đoạn video trên để uy hiếp, yêu cầu nộp tiền rồi rủ C tham gia cùng thì được C đồng ý. Ngày 10/9/2021, D sử dụng tài khoản Zalo “Tống Tiên Sinh” nhắn tin yêu cầu A T đúng 18 giờ ngày 10/9/2021 đi một mình đến Trường Trung học cơ sở Bắc B, huyện L1 để giao tiền, A T đồng ý và mang theo 150.000.000đ đến địa điểm đã hẹn. Sau đó D gọi điện thông báo cho S, T và C biết địa điểm hẹn A T giao tiền. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 10/9/2021, C điều khiển xe mô tô BKS: 88E1-159.80 chở D, còn T điều khiển xe mô tô BKS: 19D1-078.30 chở S cùng đi đến khu vực cổng Trường Trung học cơ sở Bắc B. Khi đến nơi thì D, C, T, S đi xung quanh cổng trường để quan sát. Sau đó A T đã đem số tiền 150.000.000đ đến cổng Trường Trung học cơ sở Bắc B vì lo sợ có người đi theo A T nên D đã đưa điện thoại bảo C gọi cho A T yêu cầu A T đến khu vực gần Ủy Bn nhân dân xã Quang S, huyện L1. Khi A T đến Ủy Bn nhân dân xã Quang S thì D lại bảo C gọi điện yêu cầu A T đến cầu Yên D, huyện L1. Sau đó, thì C gọi điện hướng dẫn A T đi đến nhiều địa điểm khác nhau nhưng D, T, C và S vẫn không chịu gặp A T. Buổi tối hôm đó do đã muộn nên A T hẹn nhóm D giao tiền vào ngày khác rồi đi về. Ngày 11/9/2021, D đưa điện thoại nhãn hiệu Nokia lắp 02 sim điện thoại số 0878.915.196 và số 0789.165.174 rồi sử dụng điện thoại Iphone 5S có tài khoản Zalo tên “Tống Tiên Sinh” cho S để S, T, C sử dụng liên lạc với A T hẹn thời gian, địa điểm giao tiền. Tối ngày 11/9/2021, A T nhắn tin đến tài khoản Zalo “Tống Tiên Sinh” hẹn sáng ngày 12/9/2021 sẽ giao tiền. Sau đó, S gọi điện thông báo cho D biết. Do A T chủ động hẹn gặp nên D nghi ngờ A T sẽ có người đi theo nên D bảo S, T và C cứ hẹn A T giao tiền ở đâu thì hẹn còn D, C, S và T cứ ở nhà không đến gặp A T mà hẹn A T giao tiền vào ngày khác. Sáng ngày 12/9/2021, T sử dụng tài khoản Zalo “Tống Tiên Sinh” nhắn tin cho A T yêu cầu A T đến khu vực cầu Vĩnh T, huyện Vĩnh Tường để giao nhận

tiền nên A T đã mang số tiền 150.000.000đ đến cầu Vĩnh T theo yêu cầu. Khi A T đi đến cầu Vĩnh T thì T lại nhắn tin yêu cầu A T sang khu vực cảng S Tây, A T nhắn lại có chốt kiểm dịch nên A T không thể sang địa bàn S Tây được, quá trình A T di chuyển thì T yêu cầu chụp ảnh vị trí của A T, rồi nhắn tin nội dung tiếp tục đe dọa như: không thấy cái thiện chí của A T, A T cứ chờ cùng hưởng thụ những gì sẽ diễn ra tiếp theo hoặc về kéo mất công, A em như nào tự hiểu...rồi A T gọi thì không nghe máy nên A T đi về. Sau đó do sợ sim điện thoại số 0878.915.196 bị lộ nên S đã tháo sim và vứt bỏ.

Đối với A Kiều Quang T: Quá trình điều tra A T khai đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ theo thủ tục không lập biên bản đối với người vi phạm có giấy phép lái xe tên Tạ Văn B, sinh N 1991 ở xã G, huyện L1 lỗi vi phạm “Điều khiển xe không có gương chiếu hậu bên trái người điều khiển”, mức phạt là 150.000đ, A T thông báo mức phạt cho T biết và yêu cầu T nộp phạt, ký tên vào biên lai thu tiền. T đồng ý và đã nộp phạt cho A T số tiền 150.000đ nhưng T nói với A T đang có việc gấp cần phải đi ngay, đồng thời lợi dụng lúc tổ công tác đang xử lý lỗi vi phạm của người khác, không để ý, T đã lấy xe chở S đi khỏi hiện trường, không ký tên vào Quyết định xử phạt và biên lai nộp phạt. Vì T vi phạm, nộp phạt nhưng không ký tên vào quyết định xử phạt và biên lai thu tiền nên A T đã báo cáo sự việc trên cho chỉ huy Đội Cảnh sát giao thông và Lãnh Đ Công an huyện B Xuyen biết. Ngày 08/9/2021, A T đã đến Phòng giao dịch thị trấn Hương CA thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh B Xuyen nộp phạt số tiền 150.000đ cho người có thông tin Tạ Văn B ở xã G, L1, Vĩnh Phúc theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, Hg Văn T đều khai T đưa tiền để A T bỏ qua lỗi vi phạm, hình ảnh video T quay lén được thể hiện không có việc A T ra Quyết định xử phạt hành chính hay viết biên lai thu tiền đối với T, mặt khác người vi phạm không ký vào quyết định xử phạt hành chính và biên lai thu tiền thì A T có căn cứ nào để nộp phạt thay cho người vi phạm, hơn nữa A T nộp số tiền 150.000đ vào Ngân hàng ngày 08/9/2021 (sau khi đã bị D nhắn tin đe dọa và uy hiếp đưa tiền từ ngày 03/9/2021) và nếu thực tế A T nhận tiền để nộp phạt thay cho người vi phạm thì tại sao A T phải sợ rồi đưa tiền theo yêu cầu của các đối tượng. Từ những phân tích nêu trên xác định lời khai của A T là không có căn cứ. Do đó, hành vi nhận số tiền 150.000đ để bỏ qua lỗi vi phạm của A Kiều Quang T không cấu thành tội nhận hối lộ do số tiền chưa đến 2.000.000 đ và bản thân A T chưa bị xử lý kỷ luật về hành vi này. Tuy nhiên đối với hành vi của A Kiều Quang T, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc sẽ có văn bản kiến nghị đến Giám đốc Công an tỉnh để có hình thức xử lý kỷ luật đối với A T.

2. Hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại Kiều Văn B: Ngày 30/8/2021, tổ

tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm giao thông Công an huyện D Bo gồm: Kiều Văn B (tổ trưởng), Lưu Văn T, Nguyễn Huy H và PH Đắc T2 thực hiện việc kiểm soát giao thông, phát hiện, xử lý vi phạm tại đường Tỉnh lộ 309B thuộc địa phận thị trấn Hợp Hòa, huyện D. Khoảng 09 giờ ngày 30/8/2021, D điều khiển xe mô tô BKS: 19D1-078.30 dẫn đường, T đội mũ bảo hiểm gắn camera điều khiển xe mô tô BKS: 88G1-395.44, không có gương chiếu hậu (T cố tình tháo bỏ gương chiếu hậu) chở S đến đoạn đường Tỉnh lộ 309B thuộc địa phận thị trấn Hợp Hòa, huyện D. Khi thấy tổ Cảnh sát giao thông Công an huyện D, T điều khiển xe chở S đến gần, khi còn cách tổ Cảnh sát giao thông khoảng 100m thì T dừng xe cho S nhảy xuống, còn T tiếp tục điều khiển xe về phía tổ Cảnh sát giao thông và bị tổ Cảnh sát giao thông yêu cầu dừng xe. Sau khi đưa giấy tờ xe thì tổ cảnh sát giao thông thông báo lỗi vi phạm là không có gương chiếu hậu và không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự, T đã đưa cho A B số tiền 300.000đ để bỏ qua lỗi vi phạm, A B nhận tiền rồi để T đi. Việc A B nhận tiền được camera gắn trên mũ bảo hiểm của T ghi lại. Sau khi có được video quay lén việc A B nhận tiền, S đã sử dụng máy tính laptop nhãn hiệu DELL của S cắt ngắn đoạn video rồi gửi cho D. Khoảng 14 giờ ngày 09/9/2021, D đưa cho S điện thoại Nokia, bên trong lắp sim điện thoại số 0789.165.174, bảo S gọi điện cho A B. S gọi điện cho A B bảo đã quay được cảnh A B nhận tiền vào ngày 30/8/2021 và yêu cầu A B kết bạn với tài khoản Zalo có tên “Giàng A Lữ” (tài khoản này D đăng ký bằng số điện thoại 0789.165.174), A B đồng ý. Sau đó A B sử dụng tài khoản Zalo có tên “Kv” của A B kết bạn với tài khoản Zalo “Giàng A Lữ”. Sau khi kết bạn, D gửi hình ảnh A B nhận tiền và yêu cầu A B đưa số tiền 280.000.000đ thì D sẽ xóa video, nếu không đưa tiền D sẽ tố cáo hành vi sai phạm của A B và đưa lên mạng xã hội. Với mục đích nhằm xóa dấu vết, tránh bị phát hiện, D yêu cầu A B khi nhắn tin thỏa thuận về việc đưa tiền, thì nội dung tin nhắn sẽ là việc trao đổi mua bán lan đột biến, A B đồng ý. Do sợ D tố cáo sẽ ảnh hưởng đến công việc của mình nên A B đồng ý đưa tiền nhưng xin giảm xuống còn 150.000.000đ, D đồng ý và yêu cầu A B đúng 12 giờ ngày 11/9/2021 giao tiền tại cây xăng Nhân Lý, xã Q, huyện Đ1. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/9/2021, A B đem tiền đến địa điểm đã hẹn. Lúc này, C điều khiển xe mô tô BKS: 88E1-159.80 chở D; còn T điều khiển xe mô tô BKS: 19D1-078.30 chở S ngồi phía sau đi đến khu vực cây xăng Nhân Lý, xã Q, huyện Đ1 khi đến nơi thì cả nhóm đi xung quanh để quan sát. Khi thấy A B đến điểm hẹn thì D đưa điện thoại Nokia bảo C gọi điện cho A B yêu cầu đi đến khu vực A để giao tiền. Khi A B đi đến khu vực A thì C gọi điện yêu cầu A B đến đường dự án A thuộc tổ dân phố S Đình, thị trấn Đ. Khi A B đến điểm hẹn thì C gọi điện yêu cầu A B để tiền ở chân cột điện có ký hiệu 17471E25.4. Sau khi A B để tiền ở chân cột điện thì C

gọi điện yêu cầu A B đi về, A B yêu cầu được nhận lại đoạn video nhưng C không đồng ý nên A B đến chân cột điện lấy lại tiền rồi đi về và hẹn giao tiền vào ngày khác. Chiều ngày 11/9/2021, S nhắn tin qua tài khoản Zalo tên “Giàng A Lữ” yêu cầu A B trưa ngày 12/9/2021 giao tiền. Sau đó, S gọi điện thông báo cho D biết thì D bảo S, C, T đi nhận tiền. Sáng ngày 12/9/2021, T nhắn tin qua tài khoản Zalo “Giàng A Lữ” yêu cầu A B đúng 12 giờ ngày 12/9/2021 đến cây xăng Nhân Lý để giao tiền. Do chưa chuẩn bị đủ số tiền 150.000.000đ theo yêu cầu của nhóm D nên A B mang trước số tiền 75.000.000đ đến cây xăng Nhân Lý. Lúc này, C điều khiển xe mô tô chở T, S đi từ xã Đ Trù đến khu vực rừng lim thuộc thị trấn Đ, huyện Đ1 thì T, S xuống xe để quan sát, còn C tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến đường rẽ vào ngõ dân sinh ở gần vị trí cây cột điện có ký hiệu 17471E25.4 thuộc tổ dân phố S Đình, thị trấn Đ, Đ1 để đợi A B. Khi A B đến cây xăng Nhân Lý, Q thì C gọi điện yêu cầu A B đi đến vị trí cây cột điện mà A B đã đến vào trưa ngày 11/9/2021. Khi A B đến nơi thì C gọi điện bảo A B để tiền ở chân cột điện rồi lên xe ô tô đi về phía trước khoảng 150m xuống xe để nhận USB. A B đã thực hiện đúng theo yêu cầu của C thì gặp được T và S, A B đã nhận USB từ S rồi đi về. Sau đó C đến lấy tiền rồi điều khiển xe mô tô đón S, T đi về nhà S cất giấu (trên đường đi C đã tháo sim điện thoại số 0789.165.174 rồi vứt bỏ). Sau khi cất tiền thì C, T, S đi ra suối Thác Bạc thuộc thôn Xóm Gò, xã Đ Trù, huyện Đ1 để tắm, rồi quay về quán Karaoke Playboy của A Hg Văn H (A ruột của D, T) ở thôn Đồng Cá, xã Yên D, huyện Đ1 chơi. Cùng ngày 11/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành triệu tập: D, T, S, C lên làm việc. Tại cơ quan điều tra D, S, C, T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình cùng đồng phạm như đã nêu trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của D, T, S, C. Kết quả khám xét đã thu giữ tại nhà ở của S số tiền 75.000.000đ do D, S, C và T đã chiếm đoạt của A B, thu giữ được mũ bảo hiểm gắn camera,

Đối với A Kiều Văn B, quá trình điều tra A B và A T khai: A T đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với T về 02 lỗi vi phạm “Điều khiển xe mô tô không có gương chiếu hậu” và “Không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự”, tổng mức phạt là 300.000đ. T đến gặp A B nói đang có việc gấp, cần đi ngay, T xin A B nộp phạt tại chỗ, đồng thời đưa cho A B số tiền 300.000đ để nhờ A B nộp phạt thay, lợi dụng lúc tổ công tác làm nhiệm vụ không để ý, T đã lấy xe mô tô đi khỏi hiện trường và không ký vào biên bản vi phạm hành chính, vì T vi phạm, tự nộp phạt tại chỗ nhưng không ký tên vào biên bản vi phạm hành chính nên A B đã báo cáo sự việc trên cho chỉ huy Đội Cảnh sát giao thông và Lãnh Đ Công an huyện D biết. Tuy nhiên căn cứ vào các lời khai Bn đầu của Hg Văn T và đoạn video T lên quay được thể hiện không có việc lập biên bản đối với T, mặt

khác bản thân người vi phạm không ký vào biên bản vi phạm hành chính thì căn cứ nào để A B nộp phạt thay cho người vi phạm, hơn nữa nếu thực tế A B nhận tiền để nộp phạt thay cho người vi phạm thì tại sao A B phải sợ mà đưa tiền cho các đối tượng. Từ những phân tích nêu trên xác định lời khai của A B và A T như nêu trên là không có căn cứ. Đối với hành vi nhận tiền để bỏ qua lỗi vi phạm của A Kiều Văn B không cấu thành tội Nhận hối lộ do số tiền đã nhận chưa đến 2.000.000đ, bản thân A B chưa bị xử lý kỷ luật về hành vi này. Tuy nhiên đối với hành vi nêu trên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc sẽ có văn bản kiến nghị Giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Phúc xử lý kỷ luật đối với A Kiều Văn B.

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tạm giữ các đồ vật, tài sản sau:

- Tạm giữ của Hg Văn D: 01 điện thoại Iphone XS Max, màu vàng, đã bị vỡ màn hình và vỡ mặt sau của điện thoại; 01 điện thoại Iphone 7 Plus, màu vàng; 01 điện thoại Iphone 6S, màu bạc. Quá trình điều tra xác định: Chiếc điện thoại Iphone 7 Plus không liên quan đến hành vi phạm tội của D; đối với 02 chiếc điện thoại còn lại D sử dụng để gọi điện, nhắn tin cho đồng phạm chỉ Đ, hướng dẫn việc đe dọa, uy hiếp chiếm đoạt tiền của A T và A B.

- Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn S thu giữ:

- + 01 (một) thiết bị điện tử có in hàng chữ “HD WIFI CAMERA DPI:4K/2K/1080P/720P” có gắn 01 thẻ nhớ SANDISK 128 GB, gắn với 01 cục pin có in hàng chữ “KH K-102 E321 827” (gắn bên trong 01 mũ bảo hiểm nửa đầu, nhãn hiệu Compal Việt Nam, màu đen); 01 thiết bị điện tử có in hàng chữ “VW-1 KH K-102” phần mắt camera đã bị gãy rời có gắn 01 thẻ nhớ SANDISK 32GB, gắn với 01 cục pin có in hàng chữ “RSFR-H TUBE”; 01 thiết bị điện tử có in hàng chữ “HD WIFI CAMERA DPI:4K/2K/1080P/720P” gắn với 01 cục pin có in hàng chữ “KH K-102 E321 827”; 01 thiết bị điện tử có in hàng chữ “VW-1 KH K-102” gắn 01 thẻ nhớ “LEXAR” gắn với 01 cục pin có in hàng chữ “KH K-102 E321 827” (gắn bên trong 01 áo thun không cổ, màu đen); 13 mắt camera nguy trang; 01 cục pin có in hàng chữ “KH K-102 E321 827”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với 04 thiết bị điện tử nêu trên. Ngày 30/9/2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 2479/KLGĐ, kết luận:

- “01 thiết bị điện tử có in hàng chữ “HD WIFI CAMERA DPI: 4K/2K/1080P/720P” có gắn 01 thẻ nhớ SANDISK 128 GB, gắn với 01 cục pin có in hàng chữ “KH K-102 E321 827” (gắn bên trong 01 mũ bảo hiểm nửa đầu, nhãn

hiệu Compal Việt Nam, màu đen): Có chức năng ghi âm, ghi hình vào thẻ nhớ gắn kèm, hoạt động B thường (là camera ghi hình bí mật)”.

- “01 thiết bị điện tử có in hàng chữ “VW-1 KH K-102” phần mắt camera đã bị gãy rời có gắn 01 thẻ nhớ SANDISK 32GB, gắn với 01 cục pin có in hàng chữ “RSFR-H TUBE”: Tại thời điểm giám định không có chức năng ghi âm, ghi hình, không còn hoạt động B thường (là camera ghi hình bí mật bị hỏng)”.

- “01 thiết bị điện tử có in hàng chữ “HD WIFI CAMERA DPI:4K/2K/1080P/720P” gắn với 01 cục pin có in hàng chữ “KH K-102 E321 827”: Tại thời điểm giám định không có chức năng ghi âm, ghi hình, không còn hoạt động B thường (là camera ghi hình bí mật bị hỏng)”.

- “01 thiết bị điện tử có in hàng chữ “VW-1 KH K-102” gắn 01 thẻ nhớ “LEXAR” gắn với 01 cục pin có in hàng chữ “KH K-102 E321 827” (gắn bên trong 01 áo thun không cổ, màu đen): Có chức năng ghi âm, ghi hình vào thẻ nhớ gắn kèm, hoạt động B thường (là camera ghi hình bí mật)”.

Quá trình điều tra xác định các thiết bị điện tử trên, các bị cáo sử dụng để quay lén sai phạm của A B và A T, là phương tiện, công cụ phạm tội.

Tạm giữ của Lê Văn S:

+ 01 thẻ ATM tại Ngân hàng VP Bnk mang tên LE VAN SON; 01 Ipad, bên trong có lắp sim IteL số: 898408100-087289608973. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của S.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, BKS: 88G1-395.44; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88G1-395.44 mang tên Hg Việt D, sinh N 1997, trú tại thôn Tam Lộng – B Xuyên. Quá trình điều tra xác định: Đầu N 2021 A D bán cho A Nguyễn Hữu Quan, sinh N 1985, trú tại thị trấn Gia Khánh – B Xuyên, sau đó A Quan bán cho A D Tiến Đạt, sinh N 1980, ở xã Định Trung – thành phố Vĩnh Yên, sau đó A Đạt bán cho ông Lê Văn N (là bố đẻ của Lê Văn S), ông N không biết S sử dụng chiếc xe trên trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

+ 01 máy tính laptop nhãn hiệu DELL, ngày 12/9/2021, Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 399 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc máy tính laptop nêu trên. Ngày 27/9/2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 2456/KLGĐ, kết luận:

- “Khôi phục, trích xuất được 01 tệp tin văn bản có nội dung chứa cụm từ “ĐƠN TỐ CÁO”. Không khôi phục được có các đoạn Video sai phạm của tổ

công tác, do các đối tượng khai đã xóa bỏ. Đối với chiếc máy tính nêu trên, Lê Văn S sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

+ 01 điện thoại Iphone 7 Plus, bên trong lắp sim số 0962.656.444. Quá trình điều tra xác định S đã sử dụng để liên lạc, trao đổi với các bị cáo D, T, C khi thực hiện hành vi phạm tội.

+ Số tiền 75.000.000đ, quá trình điều tra xác định là số tiền các bị cáo đã nhận từ A B, nên ngày 06/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả lại cho A B.

+ 03 giấy phép lái xe hạng A1, gồm: Giấy phép lái xe mang tên Đỗ Việt C, SN: 1993 trú tại xã Kháng Nhật, S D, Tuyên Quang; Giấy phép lái xe mang tên Tạ Văn B, SN: 1991 và Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn C, SN: 1993, đều trú tại xã G, L1, Vĩnh Phúc. Quá trình điều tra xác định: 03 giấy phép lái xe trên do Hg Văn D trong quá trình công tác tại Đội Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Vĩnh Yên có tạm giữ của Nguyễn Văn C, Đỗ Việt C, Tạ Văn B nhưng không lập biên bản vi phạm hành chính, là giấy tờ hợp pháp của A Nguyễn Văn C, A Đỗ Việt C và A B nên ngày 29/3/2022, Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả lại cho A Nguyễn Văn C và A B. Riêng giấy phép lái xe của A Đỗ Việt C, do A C đã thi sát hạch lại và được cấp mới Giấy phép lái xe hạng A1.

- Tạm giữ của Hg Văn T:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, quá trình điều tra xác định dùng để đăng nhập các tài khoản Zalo “Tây Môn Khánh”, “Tống Tiên Sinh” và “Giàng A Lữ” để thực hiện hành vi phạm tội.

+ 01 xe mô tô Honda Wave, BKS: 19D1- 078.30; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 19D1- 078.30 mang tên Hà Thị Ngân, SN: 1982 trú tại xã Minh Đài, Tân S, Phú Thọ. Quá trình điều tra xác định N 2014 chị Ngân mua chiếc xe trên, đến N 2019 chị Ngân bán cho A Hg Văn H, SN: 1982 trú tại xã Yên D, Đ1, Vĩnh Phúc (là A ruột của Hg Văn D, Hg Văn T). A H không biết các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Tạm giữ của Lục Văn C:

+ 01 điện thoại Iphone XS Max, bên trong lắp sim số 0975.231.922. Quá trình điều tra xác định C sử dụng để liên lạc trao đổi với các đồng phạm D, T, S trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

+ 01 xe mô tô Yamaha Sirius, BKS: 88E1-159.80; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 88E1-159.80 mang tên Lục Văn B (bố đẻ của C). Quá trình

điều tra xác định: N 2015 ông B mua chiếc xe trên và đăng ký chính chủ, ông B không biết C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

+ 01 áo sơ mi dài tay, có kẻ sọc đen, trắng; 01 quần đùi màu đen; 01 chiếc khăn màu cam tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Lục Văn C. Kết quả điều tra xác định: Ngày 12/9/2021, C đã mặc áo sơ mi dài tay, quần đùi màu đen, đầu đội chiếc khăn màu cam che mặt với mục đích để A B không nhận diện được C khi C thực hiện hành vi phạm tội.

- Tạm giữ của A Kiều Văn B:

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 9, bên trong lắp sim số 0982.665.526; 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max. Ngày 14/9/2021, Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 403 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với 02 chiếc điện thoại nêu trên.

Ngày 19/10/2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 2683/KLGD, kết luận:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 9 gửi giám định: + “Có 40 cuộc gọi trong lịch sử cuộc gọi và 01 tin nhắn SMS với số điện thoại 0789.165.174”.

+ “Tên tài khoản Zalo đang đăng nhập trong mẫu vật gửi giám định là “Kv”, số điện thoại đăng ký là 0982.665.526”.

+ “Chụp được 09 ảnh nội dung tin nhắn trong ứng dụng Zalo với tài khoản Zalo “Giàng A Lữ”.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max gửi giám định: + “Có 03 cuộc gọi trong lịch sử cuộc gọi và không có tin nhắn SMS với số điện thoại 0789.165.174”.

+ “Tên tài khoản Zalo đang đăng nhập trong mẫu vật gửi giám định là “Kv”, số điện thoại đăng ký là 0982.665.526”.

+ “Có 252 tin nhắn Zalo với tài khoản Zalo “Giàng A Lữ””.

+ “Trên điện thoại hiện không có tài khoản Zalo nào được đăng nhập trên máy. Trên thẻ sim kèm theo không có dữ liệu theo yêu cầu”.

Đối với 02 chiếc điện thoại trên, ngày 29/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả cho A Kiều Văn B.

+ Số tiền 300.000đ do A B nhận từ Hg Văn T.

+ 01 chiếc USB mà A B nhận từ Lê Văn S. Ngày 14/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc

USB nêu trên. Ngày 16/10/2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 2662/KLGĐ, kết luận:

- “Khôi phục, trích xuất được 57,5MB dữ liệu sao lưu vào 01 đĩa DVD”. Trong đó có đoạn video các đối tượng đã quay lên tổ công tác của A Kiều Văn B ngày 30/8/2021.

Đối với chiếc USB này là vật chứng của vụ án đã chuyển theo hồ sơ.

- Tạm giữ của A Kiều Quang T: 01 điện thoại Samsung Galaxy Note 20, bên trong lắp sim số 0915.436.579. Ngày 14/9/2021, Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 402 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại trên.

- Ngày 01/10/2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 2486/KLGĐ, kết luận: + “Có 23 cuộc gọi trong lịch sử cuộc gọi và 37 tin nhắn SMS với số điện thoại 0878.915.198”.

+ “Có 04 cuộc gọi trong lịch sử cuộc gọi và không có tin nhắn SMS với số điện thoại 0878.915.196”.

+ “Tên tài khoản Zalo đang đăng nhập trong mẫu vật gửi giám định là “Thinhkieu”, số điện thoại đăng ký là 0915.436.579”.

+ “Chụp được 37 ảnh nội dung tin nhắn trong ứng dụng Zalo với tài khoản Zalo được lưu trong dA bạ điện thoại là “Láo” (tên tài khoản đăng ký Zalo là “Tây Môn Khánh”) và tài khoản Zalo “Tống Tiên Sinh””.

Ngày 15/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 05 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định bổ sung kỹ thuật số điện tử đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20 tạm giữ của A Kiều Quang T. Ngày 22/3/2022, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 637/KLGĐ, kết luận:

- “Trích xuất được tệp tin video có tên “V20210826095332_2.mp4” trong mẫu vật gửi giám định, sao lưu vào 01 đĩa DVD”. Video ghi hình tổ công tác giao thông do A T làm tổ trưởng ngày 26/8/2021.

- “Không khôi phục, trích xuất được các đoạn video trong tin nhắn Zalo giữa tài khoản Zalo “Thinhkieu” với tài khoản Zalo được lưu trong dA bạ điện thoại là “Láo” (tên đăng ký là “Tây Môn Khánh”) và tài khoản “Tống Tiên Sinh” trong mẫu vật gửi giám định”.

Đối với điện thoại trên ngày 29/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả cho A T.

- Tạm giữ A Hg Văn Q: 01 điện thoại Iphone 6. Ngày 17/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu giám định Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại trên. Ngày 23/9/2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 2429/KLGĐ, kết luận:

+ “Tên tài khoản Zalo đang đăng nhập trong mẫu vật gửi giám định là “Quan Hoang”, số điện thoại đăng ký là 0974.613.365”.

+ “Có 138 tin nhắn ứng dụng Zalo giữa điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gửi giám định với tài khoản Zalo “Tống Tiên Sinh””.

Đối với chiếc điện thoại trên, ngày 29/3/2021, Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả cho A Hg Văn Q.

- Tạm giữ của A Hg Văn H: 01 đầu thu camera; 01 dây nguồn nhãn hiệu HIVISION để phục vụ công tác giám định. Xác định đây là tài sản hợp pháp của A H nên sau khi có kết quả giám định ngày 29/3/2021, Cơ quan điều tra đã trả đầu thu camera, dây nguồn trên cho A H.

Cáo trạng số: 60/CT-VKS-P1 ngày 17 tháng 6 N 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo Hg Văn D, Lục Văn C, Hg Văn T và bị cáo Lê Văn S về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự N 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự N 2015; xử phạt bị cáo Hg Văn D mức hình phạt tù 04 N 06 tháng đến 05 N tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự N 2015; xử phạt bị cáo Lê Văn S mức hình phạt tù 04 N đến 04 N 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự N 2015; xử phạt bị cáo Hg Văn T mức hình phạt tù 04 N đến 04 N 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự N 2015; xử phạt bị cáo Lục Văn C mức hình phạt tù 04 N đến 04 N 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự N 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự N 2015:

- Tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước các điện thoại di động, máy tính của các bị cáo Hg Văn D, Lê Văn S, Hg Văn T và Lục Văn C do sử dụng vào việc thực hiện tội phạm.

- Tịch thu tiêu hủy 04 thiết bị điện tử có gắn 04 cục pin; Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đỗ Việt C; áo, quần, khăn của Lục Văn C do sử dụng vào việc thực hiện tội phạm và không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho ông Lê Văn N, A Hg Văn H, ông Lục Văn B xe mô tô và giấy tờ kèm theo vì không liên quan đến việc thực hiện tội phạm.

- Trả lại điện thoại di động cho Hg Văn D; thẻ ATM, Ipad cho Lê Văn S vì không liên quan đến việc thực hiện tội phạm.

Các bị cáo các bị cáo Hg Văn D, Lục Văn C, Hg Văn T và Lê Văn S H toàn đồng ý với tội dA, điều luật do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố không có trA luận, bào chữa gì. Các bị cáo chỉ đề nghị hội đồng xét xử cân nhắc xem xét điều kiện, H cảnh áp dụng hình phạt thấp N để các bị cáo nhA chóng cải tạo về chăm sóc gia đình.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa đã thể hiện quan điểm trong quá trình điều tra là giải quyết theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên; VKSND tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hg Văn D, Lục Văn C, Hg Văn T và Lê Văn S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo H toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn... và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập

khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Xuất phát từ nợ nần và không có tiền tiêu sai cá nhân nên Hg Văn D đã nảy sinh ý định quay lén sai phạm của Cảnh sát giao thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ với mục đích dùng hình ảnh, video quay lén được uy hiếp, đe dọa, yêu cầu người có sai phạm đưa tiền cho D, nếu không sẽ đưa các hình ảnh, video lên mạng xã hội hoặc gửi cho Giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Hg Văn D rủ thì được Lê Văn S và Hg Văn T (em ruột của D) đồng ý cùng tham gia. Trong khoảng thời gian từ ngày 26/8/2021 đến ngày 12/9/2021, Hg Văn D cùng Lê Văn S, Hg Văn T đã thống nhất để Hg Văn T cố tình tạo ra lỗi vi phạm khi tham gia giao thông, sau đó đưa số tiền 150.000đ cho A Kiều Quang T là Đội trưởng Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện B Xuyên và đưa số tiền 300.000đ cho A Kiều Văn B là Đội phó Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện D để A T và A B bỏ qua lỗi vi phạm. Trong lúc A T và A B nhận tiền, thì T đã quay lại được. Sau đó Hg Văn D đã sử dụng hình ảnh, đoạn video do Lê Văn S đã cắt ngắn gửi cho A T và A B đồng thời đe dọa, uy hiếp rồi yêu cầu A T, A B mỗi người phải đưa cho các bị cáo số tiền là 150.000.000đ, nếu không các bị cáo sẽ đăng đoạn video lên mạng xã hội hoặc tố cáo đến Bn Giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Do lo sợ các bị cáo sẽ làm như lời đe dọa, nên A B và A T đã đồng ý đưa tiền cho các bị cáo. Khoảng gần 13 giờ ngày 12/9/2021, theo sự chỉ dẫn của Lục Văn C, A B đã đến vị trí chân cột điện đường dự án Ấ thuộc tổ dân phố S Đình - thị trấn Đ giao cho các bị cáo số tiền 75.000.000đ (do A B chưa chuẩn bị đủ số tiền 150.000.000đ). Đối với A Kiều Quang T, sau nhiều lần các bị cáo hẹn giao tiền ở nhiều địa điểm và A T cũng đã thực hiện việc đem 150.000.000đ theo yêu cầu, tuy nhiên do nghi ngờ A T không đi một mình nên các bị cáo không đến gặp nhưng tiếp tục nhắn tin đe dọa mục đích để hẹn A T vào một ngày khác, tuy nhiên đến ngày 12/9/2021, do bị bắt giữ nên các bị cáo không thể tiếp tục nhận tiền từ A T.

Hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên do các bị cáo Hg Văn D, Lục Văn C, Hg Văn T và Lê Văn S thực hiện đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 170 Bộ luật Hình sự N 2015.

Xét về nhân thân của các bị cáo, tính chất mức độ thực hiện tội phạm và giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 225.000.000đ thì hành vi của của các bị cáo Hg Văn D, Lục Văn C, Hg Văn T và Lê Văn S đã phạm vào điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự N 2015.

Tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự N 2015 quy định:

“ 1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 N đến 05 N:

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 N đến 15 N:

a. Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Hg Văn D, Lục Văn C, Hg Văn T và Lê Văn S là rất nghiêm trọng đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa C, phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương để làm gương cho người khác.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo Hg Văn D, Lục Văn C, Hg Văn T, Lê Văn S luôn khai báo đầy đủ hành vi đã thực hiện và đều là người dân tộc thiểu số; gia đình các bị cáo đều có người thân là người có công với nước. Cụ thể đó là: Bị cáo Lê Văn S có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo Lục Văn C có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng N; các bị cáo Hg Văn D, Hg Văn T có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo Hg Văn D được Giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Phúc tặng Giấy khen do có thành tích xuất sắc trong thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông dịp 30/4 và 01/5/2019 nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự N 2015. Quá trình công tác bị cáo Hg Văn D được tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự N 2015; trong tổng số tiền 225.000.000đ các bị cáo có mục đích chiếm đoạt thì mới chiếm đoạt được 75.000.000đ, số tiền 150.000.000đ còn lại các bị cáo chưa chiếm đoạt được nên thuộc trường hợp “Phạm tội chưa đạt” theo quy định tại Điều 57 Bộ luật Hình sự N 2015 khi quyết định mức hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian từ ngày 26/8/2021 đến ngày 12/9/2021 các bị cáo đã 02 lần dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt 75.000.000đ của A B và 150.000.000đ của A T nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự N 2015. Đối với bị

cáo Lục Văn C vào ngày 31/3/2020 đã bị Tòa án nhân dân huyện S D, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 N 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” là tội phạm rất nghiêm trọng, chưa được xóa án nay lại phạm tội rất nghiêm trọng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự N 2015.

Xét về vai trò, vị trí của từng bị cáo trong vụ án; Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với bị cáo Hg Văn D là người khởi xướng, rủ rê các đồng phạm khác và trực tiếp thực hiện tội phạm; còn lại các bị cáo Hg Văn T, Lê Văn S, Lục Văn C đều là đồng phạm với vai trò trực tiếp thực hiện tội phạm, trong đó các bị cáo Hg Văn T và Lê Văn S được bàn bạc tham gia ngay từ Bn đầu, còn bị cáo Lục Văn C mặc dù tham gia sau nhưng rất tích cực trong việc thực hiện tội phạm.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo cũng như tính chất mức độ thực hiện tội phạm thấy rằng: Xuất phát từ mục đích vụ lợi, các bị cáo bất chấp quy định của pháp luật, lợi dụng việc làm sai trái của bị hại để dùng thủ đoạn đe dọa, ép buộc khống chế buộc bị hại giao tài sản để chiếm đoạt nên cần áp dụng hình phạt nghiêm nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa C. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng xem xét do các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tài sản phần nhiều chưa chiếm đoạt được để quyết định hình phạt phù hợp theo quy định của pháp luật. Đây cũng là cơ hội để các bị cáo yên T cải tạo sớm H lương.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị áp dụng hình phạt tù dưới mức thấp N của khung hình phạt do điều luật quy định là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại, tại phiên tòa bị hại vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án bị hại không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại Iphone XS Max, màu vàng, đã bị vỡ màn hình và mặt sau của điện thoại; 01 điện thoại Iphone 6S của Hg Văn D; 01 máy tính laptop nhãn hiệu DELL; 01 điện thoại Iphone 7 Plus của Lê Văn S; 01 điện thoại Iphone 5S của Hg Văn T; 01 điện thoại Iphone XS Max của Lục Văn C quá trình điều tra xác định sử dụng vào việc thực hiện tội phạm cần tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước.

- Đối với 04 thiết bị điện tử có gắn với 4 cục pin (có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ); 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 080180007529 mang tên Đỗ Việt C; 01 áo sơ mi dài tay, có kẻ sọc đen, trắng; 01 quần đùi màu đen; 01 chiếc khăn

màu cam của Lục Văn C do liên quan đến việc thực hiện tội phạm và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 thẻ ATM Ngân hàng VP Bnk mang tên LE VAN SON và 01 Ipad đã thu giữ của Lê Văn S không liên quan đến tội phạm cần trả lại nhưng tiếp tục tạm giữ 01 Ipad để bảo đảm thi hành án.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu đen, BKS: 88G1-395.44; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 88G1-395.44 mang tên Hg Việt D do không liên quan đến tội phạm trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lê Văn N.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng đen, BKS: 19D1- 078.30; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 19D1- 078.30 mang tên Hà Thị Ngân do không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là A Hg Văn H.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng xA, BKS: 88E1-159.80; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 88E1-159.80 mang tên Lục Văn B do không liên quan đến việc thực hiện tội phạm trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lục văn B.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 7 Plus của Hg Văn D không sử dụng vào việc thực hiện tội phạm cần trả lại nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Các bị cáo hiện nay không có nghề nghiệp ổn định, là lao động tự do thu nhập không thường xuyên nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt tiền là phù hợp.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Hg Văn D, Lục Văn C, Hg Văn T và bị cáo Lê Văn S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Hg Văn D, Lục Văn C, Hg Văn T và Lê Văn S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự N 2015; xử phạt bị cáo Hg Văn D **04** (bốn) N **06** (S) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/9/2021.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự N 2015; xử phạt bị cáo Lê Văn S **04** (bốn) N tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/9/2021.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự N 2015; xử phạt bị cáo Hg Văn T **04** (bốn) N tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/9/2021.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 17 Bộ luật Hình sự N 2015; xử phạt bị cáo Lục Văn C **04** (bốn) N tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/9/2021.

Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự N 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự N 2015:

- Tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước các điện thoại di động, máy tính của các bị cáo do sử dụng vào việc thực hiện tội phạm. Cụ thể đó là: 02 điện thoại di động của Hg Văn D (01 điện thoại Iphone XS Max, màu vàng đã bị vỡ màn hình và mặt sau của điện thoại; 01 điện thoại Iphone 6S); 01 máy tính laptop nhãn hiệu DELL và 01 điện thoại Iphone 7 Plus của Lê Văn S; 01 điện thoại Iphone 5S của Hg Văn T và 01 điện thoại Iphone XS Max của Lục Văn C.

- Tịch thu tiêu hủy 04 thiết bị điện tử có gắn 04 cục pin; Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đỗ Việt C; áo, quần, khăn của Lục Văn C do sử dụng vào việc thực hiện tội phạm và không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho ông Lê Văn N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đen BKS 88G1-395.44 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 88 G1-395.44 mang tên Hg Việt D vì không liên quan đến việc thực hiện tội phạm.

- Trả lại cho A Hg Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng đen BKS 19D1-078.30 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 19D1-078.30 mang tên Hà Thị Ngân vì không liên quan đến tội phạm.

- Trả lại cho ông Lục Văn B xe mô tô BKS 88E1-159.80 và giấy đăng ký xe mô tô BKS 88E1-159.80 mang tên Lục văn B vì không liên quan đến việc thực hiện tội phạm.

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus cho Hg Văn D vì không liên quan đến tội phạm nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại 01 thẻ ATM do Ngân hàng VP Bnk phát hành mang tên LE VAN SON và 01 Ipad cho Lê Văn S vì không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng tạm giữ Ipad để đảm bảo cho việc thi hành án.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Hg Văn D, Lục Văn C, Hg Văn T và Lê Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ công an tỉnh VP;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam CA tỉnh VP;
- Bị cáo; người có quyền lợi
nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Sơn